

Số: 679/TB-UBND

Vân Hồ, ngày 27 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO

Niêm yết công khai nguồn gốc sử dụng đất đối với thửa đất chưa được cấp Giấy CNQSD đất để phục vụ thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc địa phận huyện Vân Hồ của dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La (Phạm vi tuyến đường thuộc địa giới hành chính xã Vân Hồ, đợt 1)

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 1966/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La ban hành Sổ tay hướng dẫn trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Thông báo số 404/TB-UBND ngày 04/08/2025 của UBND xã Vân Hồ về việc Thông báo thu hồi đất Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc địa phận huyện Vân Hồ của dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến địa bàn tỉnh Sơn La (Phạm vi tuyến đường thuộc địa giới hành chính xã Vân Hồ, đợt 1);

Theo đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất tại Công văn số 102/CV-TTPTQĐ ngày 22/8/2025 về việc đề nghị xác định loại đất, điều kiện cấp GCNQSD đất cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc địa phận huyện Vân Hồ của dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La (Phạm vi tuyến đường thuộc địa giới hành chính xã Vân Hồ đợt 1), biên bản xác minh nguồn gốc thửa đất, thời điểm xây dựng công trình của các hộ gia đình, cá nhân.

Ủy ban nhân dân xã Vân Hồ thông báo niêm yết, công khai nguồn gốc sử dụng đất, với những nội dung như sau:

1. Tổng số trường hợp thực hiện công khai: 44 hộ gia đình, cá nhân.

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

2. Thông báo này được công khai trong thời gian 15 ngày kể từ ngày 27/8/2025 đến ngày 12/9/2025 tại Nhà văn hóa bản Suối Mực, bản Pà Puộc; trụ sở UBND xã Vân Hồ và trên Trang thông tin điện tử xã Vân Hồ; giao Trưởng bản Suối Mực, bản Pà Puộc thường xuyên thông báo trên loa truyền thanh của bản trong thời gian niêm yết công khai.

3. Người không đồng ý với nội dung ghi trong danh sách niêm yết thì gửi đơn đến UBND xã Vân Hồ để giải quyết; sau thời gian niêm yết nêu trên, mọi ý kiến, kiến nghị sẽ không được xem xét giải quyết.

4. Giao Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất, Ban quản lý bản Suối Mực, bản Pà Puộc tổ chức họp bản, niêm yết công khai thông báo này theo quy định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Trung tâm Phát triển quỹ đất;
- Ban quản lý bản: Suối Mực, Pà Puộc;
- Trang thông tin điện tử của xã;
- Lưu: VT, KT (Thịnh 04b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Bắc

DANH SÁCH CÔNG KHAI

Nguồn gốc sử dụng đất đối với thửa đất chưa được cấp Giấy CNQSD đất để phục vụ thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc địa phận huyện Vân Hồ của dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La (Phạm vi tuyến đường thuộc địa giới hành chính xã Vân Hồ đợt 1)

(Kèm theo Thông báo số 679/TB-UBND ngày 27/8/2025 của UBND xã Vân Hồ)

STT	Họ và tên chủ hộ	Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Tổng diện tích đất thu hồi (m ²)	Diện tích, loại đất thu hồi xác minh (m ²)	Loại đất thu hồi	Loại đất xác minh	Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất (xác nhận UBND xã)
BẢN SUỐI MỤC									
1	Bùi Văn Thao	47	34	387,2	387,2	306,0	ONT	ONT	Đã được cấp GCNQSDĐ cho bà Hà Thị Thoa, thửa đất số 13, tờ bản đồ 6/SD, mã sử dụng ONT, số seri O 527570, theo QĐ số 1075/QĐ-UB/H ngày 06/12/1999 của UBND huyện Mộc Châu, bà Hà Thị Thoa chuyển nhượng lại cho ông Bùi Văn Thao năm 2006.
						81,2	CLN	CLN	Bà Hà Thị Thoa sử dụng ổn định từ trước năm 1996 đến năm 2006 cho cháu Bùi Văn Thao sử dụng ổn định đến nay không tranh chấp
2	Bùi Văn Thiết	47	31	1.000,3	236,4	236,4	CLN	CLN	Gia đình sử dụng ổn định từ trước năm 2000 đến nay
		47	43	2.032,8	2.032,8	1.897,8	ONT + CLN	CLN	Do bà Hà Thị Tươi sử dụng ổn định từ trước năm 1996 đến năm 2007 cho cháu Bùi Văn Thiết sử dụng ổn định đến nay
						135,0		ONT	Đã được cấp GCNQSDĐ cho bà Hà Thị Tươi, thửa đất số 9, tờ bản đồ 6/SD, mã sử dụng ONT, số seri O 527569, theo QĐ số 1075/QĐ-UB/H ngày 06/12/1999 của UBND huyện Mộc Châu.
3	Hà Thị Thoa	47	33	1.099,8	426,8	202,8	ONT+CLN	CLN	Bà Hà Thị Thoa sử dụng ổn định từ trước năm 1996 sử dụng ổn định đến nay không tranh chấp
						224,0		ONT	Đã được cấp GCNQSDĐ mang tên Hà Văn Tinh, thửa đất số 8, tờ bản đồ 6/SD, mã sử dụng ONT, số seri O 527578, theo QĐ số 1075/QĐ-UB/H ngày 06/12/1999 của UBND huyện Mộc Châu (bà Hà Thị Thoa là em dâu ông Hà Văn Tinh).
4	Hà Văn Đắc	47	39	145,8	145,8	145,8	CLN	CLN	Gia đình sử dụng từ năm 1988 đến nay, sử dụng ổn định không tranh chấp

STT	Họ và tên chủ hộ	Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích thửa đất (m2)	Tổng diện tích đất thu hồi (m2)	Diện tích, loại đất thu hồi xác minh (m2)	Loại đất thu hồi	Loại đất xác minh	Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất (xác nhận UBND xã)
5	Hà Văn Miên	47	50	7.240,5	5.977,2	5.977,2	CLN	CLN	Gia đình sử dụng ổn định từ năm 1996 đến nay, không tranh chấp.
		47	88	192,2	192,2	192,2	CLN	CLN	
6	Hà Văn Môn	47	21	1.426,3	233,2	233,2	CLN	CLN	Gia đình sử dụng ổn định từ trước năm 1998, sử dụng trồng cây lâu năm ổn định không tranh chấp
7	Hà Văn Phương	47	47	1.522,2	837,1	837,1	HNK	HNK	Do bố Hà Văn Chuyên sử dụng ổn định từ trước năm 1990 đến năm 2014 cho con trai Hà Văn Phương sử dụng ổn định không tranh chấp đến nay.
8	Hà Văn Quang	47	10	14,6	14,6	14,6	LUC	LUC	Gia đình sử dụng từ năm 1985 ổn định không có tranh chấp đến nay
		47	11	1.163,0	92,2	92,2	CLN	CLN	
		47	14	189,3	189,3	189,3	HNK	HNK	
						218,3	CLN	CLN	
		47	35	723,2	614,3	396,0	ONT	ONT	Đã được cấp GCNQSDĐ cho ông Hà Văn Quang, thửa đất số 5, tờ bản đồ 6/SD, mã sử dụng ONT, số seri O 527580, theo QĐ số 1075/QĐ-UB/H ngày 06/12/1999 của UBND huyện Mộc Châu.
		47	44	1.139,8	1.099,4	1.099,4	CLN	CLN	Gia đình sử dụng từ năm 1985 ổn định không có tranh chấp đến nay
		47	85	12.229,5	11.068,5	10.535,0	CLN	Trồng rừng	Đã được cấp GCNQSDĐ cho ông Hà Văn Quang, thửa đất số 5, tờ bản đồ 5/SD, mã sử dụng T.Rừng, số seri O 527580, theo QĐ số 1075/QĐ-UB/H ngày 06/12/1999 của UBND huyện Mộc Châu.
						533,5	CLN	CLN	Gia đình sử dụng từ năm 1985 ổn định không có tranh chấp đến nay
9	Hà Văn Quý	47	13	11.634,2	7.741,4	7.741,4	HNK	HNK	Do ông Ngân Văn Tinh sử dụng ổn định từ trước năm 1992 đến năm 2007 cho ông Hà Văn Quý Sử dụng ổn định không tranh chấp
		47	20	20,4	20,4	20,4	NTS	NTS	
		47	25	439,9	372,1	372,1	ONT+CLN	CLN	
		47	48	5.755,5	5.755,5	5.755,5	HNK	HNK	Do bố Hà Văn Tinh sử dụng ổn định từ trước năm 1990 đến năm 2019 chết để lại cho con trai Hà Văn Quý sử dụng ổn định không tranh chấp
		47	55	4.932,1	1.558,5	1.558,5	HNK	HNK	

STT	Họ và tên chủ hộ	Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Tổng diện tích đất thu hồi (m ²)	Diện tích, loại đất thu hồi xác minh (m ²)	Loại đất thu hồi	Loại đất xác minh	Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất (xác nhận UBND xã)
10	Hà Văn Thủy	47	37	296,3	63,3	63,3	ONT	ONT	Đã được cấp GCNQSDĐ cho ông Hà Văn Thẩm, thửa đất số 12, tờ bản đồ 6, mã sử dụng ONT, số seri O 527572, theo QĐ số 1075/QĐ-UB/H ngày 06/12/1999 của UBND huyện Mộc Châu.
		47	43	190,3	69,1	69,1	CLN	CLN	Do bố Hà Văn Thẩm sử dụng ổn định từ trước năm 1986 đến năm 2005 cho con trai Hà Văn Thủy sử dụng ổn định không tranh chấp.
11	Lò Thị Loan	47	3	4.303,2	4.303,2	4.303,2	CLN	CLN	Gia đình sử dụng từ năm 1995 đến nay sử dụng ổn định không tranh chấp
		47	60	6.990,5	5.614,1	5.614,1	CLN	CLN	
		47	80	10.542,6	5.226,1	5.226,1	CLN	CLN	
12	Lò Văn Dũng	47	49	3.309,8	3.309,8	1.925,0	CLN	Trồng rừng	Đã được cấp GCNQSDĐ cho ông Lò Văn Dũng, thửa đất số 24, tờ bản đồ 5/SD, mã sử dụng T.Rừng, số seri O 527596, theo QĐ số 1075/QĐ-UB/H ngày 06/12/1999 của UBND huyện Mộc Châu.
						1.384,8	CLN	CLN	Sử dụng ổn định từ năm 1984, Trồng Luồng theo dự án từ năm 1998, xem kẽ trồng cây lâu năm (Xoan, Cam, Quýt)
13	Lò Văn Dương	47	27	134,3	134,3	134,3	LUC	LUC	Sử dụng ổn định từ năm 1984 trồng lúa nước đến nay
		47	29	152,7	151,3	151,3	LUC	LUC	Sử dụng ổn định từ năm 1984 trồng lúa nước đến nay
		47	41	14.185,9	10.653,1	1.982,0	CLN	Trồng rừng	Đã được cấp GCNQSDĐ cho ông Lò Văn Dương, thửa đất số 25, tờ bản đồ 5/SD, mã sử dụng T.Rừng, số seri O 527597, theo QĐ số 1075/QĐ-UB/H ngày 06/12/1999 của UBND huyện Mộc Châu.
						8.671,1	CLN	CLN	Sử dụng ổn định từ năm 1984 đến nay, mục đích trồng Luồng và trồng xen kẽ cây lâu năm khác (Xoan, Cam, Quýt)
		47	32	30,6	30,6	30,6	LUC	LUC	Sử dụng ổn định từ năm 1984 đến nay không có tranh chấp
		47	65	951,8	951,8	951,8	HNK	HNK	Sử dụng ổn định từ năm 1984 đến nay không có tranh chấp
14	Lò Văn Hanh	47	53	2.153,8	2.074,0	2.074,0	CLN	CLN	Do bố Lò Văn Hồng sử dụng ổn định từ năm 1985 đến năm 2000 cho con trai Lò Văn Hanh sử dụng ổn định không tranh chấp

STT	Họ và tên chủ hộ	Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Tổng diện tích đất thu hồi (m ²)	Diện tích, loại đất thu hồi xác minh (m ²)	Loại đất thu hồi	Loại đất xác minh	Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất (xác nhận UBND xã)
15	Lò Văn Hoàn	47	1	3.207,6	1.243,4	1.243,4	CLN	CLN	Ông Lò Văn Tuyên sử dụng ổn định từ trước năm 1982 đến năm 2008 cho con trai Lò Văn Hoàn sử dụng ổn định đến nay không tranh chấp
		47	61	711,2	711,2	711,2	NHK	NHK	
		47	90	3.110,9	895,1	895,1	CLN	CLN	
16	Lò Văn Hường	47	59	362,4	362,4	362,4	NHK	NHK	Ông Lò Văn Tuyên sử dụng ổn định từ trước năm 1982 đến năm 2008 cho con trai Lò Văn Hường sử dụng ổn định đến nay không tranh chấp
		47	63	3.910,0	3.910,0	3.910,0	NHK	NHK	
		47	93	7.358,6	936,4	936,4	CLN	CLN	
		47	71	996,7	996,7	996,7	HNK	HNK	
		47	78	16.244,8	10.565,9	10.565,9	HNK	HNK	
17	Lò Văn Sâm	47	7	2.370,2	1.060,7	1.060,7	HNK	HNK	Gia đình sử dụng từ năm 2000 đến nay sử dụng ổn định không tranh chấp
		47	12	1.458,4	893,5	893,5	HNK	HNK	
		47	19	41,2	41,2	41,2	NTS	NTS	
		47	23	692,7	669,0	669,0	ONT+CLN	CLN	
		47	4	2.826,1	2.488,1	2.488,1	CLN	CLN	
18	Hà Thị Đào	47	62	3.204,5	126,5	126,5	CLN	CLN	Gia đình sử dụng ổn định từ trước năm 1984 đến năm 1993 cho con trai Ngân Văn Thanh tiếp tục sử dụng, năm 2017 ông Thanh chết thi để lại cho vợ Hà Thị Đào sử dụng ổn định không tranh chấp đến nay
19	Ngân Văn Hoán	47	56	5.568,1	4.843,3	4.843,3	CLN	CLN	Gia đình sử dụng từ năm 1995 đến nay, sử dụng ổn định với mục đích trồng cây Luồng, cây Xoan ổn định không tranh chấp đến nay
20	Ngân Văn Tiến	47	9	6.973,8	3.907,8	3.907,8	HNK	HNK	Gia đình sử dụng ổn định từ trước năm 1993, sử dụng ổn định không tranh chấp đến nay, mục đích sử dụng trồng cây Keo, Xoan, Lát, Cọ
		47	51	4.917,0	4.917,0	4.917,0	CLN	CLN	Gia đình sử dụng ổn định từ trước năm 1993, sử dụng ổn định không tranh chấp đến nay

STT	Họ và tên chủ hộ	Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Tổng diện tích đất thu hồi (m ²)	Diện tích, loại đất thu hồi xác minh (m ²)	Loại đất thu hồi	Loại đất xác minh	Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất (xác nhận UBND xã)
21	Vi Thị Xuân	47	38	533,3	408,6	65,0	NTS	NTS	Đã được cấp GCNQSDĐ mang tên Hà Văn Chuyên, thửa đất số 10, tờ bản đồ 6, mã sử dụng TSN, số seri O 527600, theo QĐ số 1075/QĐ-UB/H ngày 06/12/1999 của UBND huyện Mộc Châu.
		47	40	326,9	139,4	343,6 139,4	NTS CLN	NTS CLN	Gia đình sử dụng ổn định từ năm 1990 đến nay, sử dụng ổn định không tranh chấp.
		47	45	1.113,8	14,4	14,4	ONT + CLN	CLN	Đã được cấp GCNQSDĐ mang tên Hà Văn Chuyên, thửa đất số 11, tờ bản đồ 6, mã sử dụng TSN, số seri O 527600, theo QĐ số 1075/QĐ-UB/H ngày 06/12/1999 của UBND huyện Mộc Châu.
22	Vi Văn Khoa	47	58	6.864,4	855,0	855,0	NHK	NHK	Đã được cấp GCNQSDĐ mang tên Hà Văn Chuyên, thửa đất số 28, tờ bản đồ 4, mã sử dụng Nương, số seri O 527587, theo QĐ số 1075/QĐ-UB/H ngày 06/12/1999 của UBND huyện Mộc Châu.
					4.003,4	4.003,4	NHK	NHK	Gia đình sử dụng ổn định từ năm 1984 đến nay, sử dụng ổn định không tranh chấp
23	Bùi Văn Nhung	47	76	55,0	55,0	55,0	HNK	HNK	Gia đình Sử dụng ổn định từ năm 2001 đến nay không có tranh chấp, mục đích sử dụng trồng Luồng, Nứa và Sa Nhân
		47	84	4.078,9	740,1	740,1	CLN	CLN	
24	Lò Văn Hải	47	79	7.344,1	1.376,7	1.376,7	HNK	HNK	Bà Lò Thị Loan sử dụng ổn định từ năm 1985 đến năm 2008 cho con trai Lò Văn Hải sử dụng ổn định không có tranh chấp đến nay
25	Ngân Văn Tinh	47	18	2.494,7	1.088,5	1.088,5	CLN	CLN	Gia đình sử dụng ổn định từ năm 1984 đến nay, sử dụng ổn định không tranh chấp
		47	24	39,7	39,7	39,7	NTS	NTS	
		47	26	575,4	173,2	173,2	CLN	CLN	
26	Ngân Văn Tuấn	47	70	3.078,9	443,7	443,7	HNK	HNK	Gia đình sử dụng ổn định từ năm 1984 đến nay, sử dụng ổn định không tranh chấp
		47	77	6.731,7	4.121,4	4.121,4	HNK	HNK	
27	Ngân Văn Trọng	47	2	9.786,1	6.819,1	6.819,1	CLN	CLN	Gia đình sử dụng ổn định từ trước năm 1980 đến nay, sử dụng ổn định không tranh chấp
28	Lò Văn Long	47	64	8.409,8	4.891,2	4.891,2	HNK	HNK	Gia đình sử dụng ổn định từ trước năm 2002 đến nay, sử dụng ổn định không tranh chấp

STT	Họ và tên chủ hộ	Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Tổng diện tích đất thu hồi (m ²)	Diện tích, loại đất thu hồi xác minh (m ²)	Loại đất thu hồi	Loại đất xác minh	Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất (xác nhận UBND xã)
29	Lò Văn Việt	47	68	6.368,4	1.773,5	1.773,5	HNK	HNK	Gia đình sử dụng ổn định từ trước năm 1990 đến nay, sử dụng ổn định không tranh chấp, mục đích sử dụng trồng cây Xoan
30	Ngần Văn Hoan	47	8	1.638,7	1.283,8	1.283,8	HNK	HNK	Gia đình sử dụng ổn định từ năm 1999 đến nay, sử dụng ổn định không tranh chấp
		47	69	5.899,7	1.104,3	1.104,3	HNK	HNK	
31	Lò Văn Mạnh	47	5	6.624,0	4.206,7	4.206,7	CLN	CLN	Gia đình sử dụng ổn định từ trước năm 1995 đến nay, sử dụng ổn định không tranh chấp
		47	30	479,9	10,5	10,5	ONT+CLN	CLN	Đã được cấp GCNQSDĐ mang tên Lò Văn Mạnh, thửa đất số 16, tờ bản đồ 6, mã sử dụng ONT, số seri O 527585, theo QĐ số 1075/QĐ-UB/H ngày 06/12/1999 của UBND huyện Mộc Châu.
32	Lò Văn Hưng	47	67	106,9	106,9	106,9	LUC	LUC	Gia đình sử dụng ổn định từ năm 1998 đến nay, sử dụng ổn định không tranh chấp
33	Lò Văn Hồng	47	46	159,0	159,0	159,0	CLN	Trồng rừng	Đã được cấp GCNQSDĐ mang tên Lò Văn Hồng, thửa đất số 3, tờ bản đồ 1, mã sử dụng Trồng rừng theo QĐ số 1075/QĐ-UB/H ngày 06/12/1999 của UBND huyện Mộc Châu.
		47	54	310,8	310,8	310,8	CLN	Trồng rừng	
		47	66	9.810,0	9.216,0	9.216,0	HNK	HNK	Gia đình sử dụng ổn định từ năm 1985 đến nay, sử dụng ổn định không tranh chấp
34	Lò Văn Hiếm	47	15	2.385,6	216,3	216,3	HNK	HNK	Gia đình sử dụng ổn định từ năm 1996 đến nay, sử dụng ổn định không tranh chấp
		47	16	358,8	82,4	82,4	LUK	LUK	
		47	17	136,9	20,4	20,4	LUK	LUK	
35	Lò Văn Cường	47	6	5.121,9	138,5	138,5	CLN	CLN	Ông Lò Văn Dũng sử dụng ổn định từ năm 1984 đến năm 2000 con trai Lò Văn cường tiếp tục sử dụng ổn định đến nay không có tranh chấp
		47	64	8.409,8	4.891,2	4.891,2	HNK	HNK	Ông Lò Văn Dũng sử dụng ổn định từ năm 1984 đến năm 2000 con trai Lò Văn cường tiếp tục sử dụng ổn định đến nay không có tranh chấp
36	Lò Thị Dung	47	73	2.407,7	1.387,9	1.387,9	HNK	HNK	Gia đình sử dụng từ năm 1985 đến nay, sử dụng ổn định không có tranh chấp, mục đích sử dụng trồng Bương, Luồng và cây Sắn

STT	Họ và tên chủ hộ	Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích thửa đất (m2)	Tổng diện tích đất thu hồi (m2)	Diện tích, loại đất thu hồi xác minh (m2)	Loại đất thu hồi	Loại đất xác minh	Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất (xác nhận UBND xã)
37	Hà Văn Chung	47	72	444,9	444,9	444,9	HNK	HNK	Gia đình sử dụng từ năm 1990 đến nay, sử dụng ổn định không có tranh chấp, mục đích sử dụng trồng Bương, Xoan
		47	75	908,5	186,1	186,1	HNK	HNK	
TỔNG					160.852,4	160.852,4			
BẢN PÀ PUỘC									
1	Triệu Văn Sao	47	92	3.841,2	1.052,3	1.052,3	CLN	CLN	Do bố Triệu Văn Thắng khai hoang năm 1982 đến năm 1999 cho con trai là Triệu Văn Sao tiếp tục sử dụng ổn định đến nay.
2	Triệu Văn Thắng	47	81	733,1	733,1	733,1	CLN	HNK	Đã được cấp GCNQSDĐ mang tên Triệu Văn Thành, thửa đất số 9, tờ bản đồ 44, mã sử dụng Nương, số seri O 527486, theo QĐ số 1075/QĐ-UB/H ngày 06/12/1999 của UBND huyện Mộc Châu.
3	Bản Văn Páo	47	83	4.604,2	1.524,2	1.524,2	CLN	Trồng rừng	Đã được cấp GCNQSDĐ mang tên Bản Văn Sơn, thửa đất số 10, tờ bản đồ 35, mã sử dụng T.rừng, số seri O 527480, theo QĐ số 1075/QĐ-UB/H ngày 06/12/1999 của UBND huyện Mộc Châu.
4	Đặng Văn Kim	47	86	2.593,3	1.929,3	1.929,3	CLN	CLN	Đã cấp GCNQSDĐ đất năm 1999, Do bố Đặng Văn Chung tặng cho con trai Đặng Văn Kim, sử dụng ổn định đến nay
5	Triệu Văn Dậu	47	87	13.084,1	8.987,5	8.987,5	CLN	Trồng rừng	Đã được cấp GCNQSDĐ mang tên Bản Văn Sinh, thửa đất số 16, tờ bản đồ 5/SD, mã sử dụng T.rừng, số seri O 527481, theo QĐ số 1075/QĐ-UB/H ngày 06/12/1999 của UBND huyện Mộc Châu. Ông Triệu Văn Dậu mua bán chuyển nhượng từ ông Bản Văn Sinh năm 2010, sử dụng ổn định đến nay
6	Triệu Văn Hềnh	47	91	10.919,9	5.876,6	5.876,6	CLN	Trồng rừng	Đã được cấp GCNQSDĐ mang tên Triệu Văn Hoa, thửa đất số 10, tờ bản đồ 35/SD, mã sử dụng T.rừng, số seri O 527444, theo QĐ số 1075/QĐ-UB/H ngày 06/12/1999 của UBND huyện Mộc Châu.
7	Lý Văn Thảo	47	82	1.005,8	1.005,8	1.005,8	CLN	Trồng rừng	Đã được cấp GCNQSDĐ mang tên Lý Văn Ngái, thửa đất số 10, tờ bản đồ 35, mã sử dụng T.rừng, theo QĐ số 1075/QĐ-UB/H ngày 06/12/1999 của UBND huyện Mộc Châu.
TỔNG					21.108,8	21.108,8			